

Số: 04/2020/QĐST-HNGĐ

Bắc Trà My, ngày 18 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1994.

- Bị đơn: Ông Phạm Viết V, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: thôn 5, xã T, Bắc Trà My, Quảng Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Viết V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Viết V thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Lê Q, sinh ngày 29/11/2014. Giao cháu Q cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm ngàn đồng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng bà Nguyễn Thị D tự nguyện chịu. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng bà D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My theo biên lai thu số 0011395 ngày 04/02/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đại